

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương.</p> <p>Địa chỉ: số 233 đường 30/4, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>Tài khoản số: 653.1195263 Tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Thủ Dầu Một;</p> <p>Mã số thuế: 0300951119-028;</p> <p>Điện thoại: 0274.3939666.</p>
E-ĐKC 1.7	<p>Dự án bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên dự án: Đường dây trung hạ thế và TBA chống quá tải, đảm bảo cấp điện cho khách hàng mùa nắng nóng gay gắt các Phường Bình Chuẩn - Phú Hòa - Phú Lợi - Phú Thọ thuộc địa bàn QLVH của Điện lực Thủ Dầu Một - năm 2025.- Địa điểm: Phường Thủ Dầu Một – Thuận Giao – Phú Lợi – Thành phố Hồ Chí Minh.
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm Công trường tại các Phường Thủ Dầu Một – Thuận Giao – Phú Lợi – Thành phố Hồ Chí Minh và được xác định trong Bản vẽ hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>
E-ĐKC 1.16	<p>Ngày hoàn thành là: 90 ngày (kể cả ngày thứ Bảy và Chủ nhật, trừ các ngày nghỉ Lễ theo quy định của Nhà nước).</p>
E-ĐKC 1.17	<p>Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 90 ngày (kể cả ngày thứ Bảy và Chủ nhật, trừ các ngày nghỉ Lễ theo quy định của Nhà nước).</p>
E-ĐKC 1.18	<p>Ngày khởi công là: Căn cứ ngày ghi trong Lệnh khởi công (hoặc Thông báo khởi công).</p>
E-ĐKC 1.19	<p>Nhà thầu là: <i>(Sau khi Chủ đầu tư công bố kết quả lựa chọn nhà thầu).</i></p>
E-ĐKC 1.29	<ul style="list-style-type: none">- Tư vấn quản lý dự án: Công ty Điện lực Bình Dương;- Tư vấn giám sát là: <i>đang tiến hành LCNT.</i>

E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: 90 ngày (kể cả ngày thứ Bảy và Chủ nhật, trừ các ngày nghỉ Lễ theo quy định của Nhà nước).
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thi công xây dựng. - Bảng giá hợp đồng. - Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có). - Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu (HSDT) và trao hợp đồng. - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. - Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục. - Điều kiện cụ thể của Hợp đồng, bao gồm phụ lục. - HSDT của Nhà thầu và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có). - Hồ sơ mời thầu (HSMT) và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có). - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày thứ 28 sau khi nhà thầu hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng, công trình được nghiệm thu, bàn giao và chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm: 15 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. - Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Nhà thầu phải khắc phục thì Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Nhà thầu thanh toán chi phí cho việc gia hạn Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trên. <p>2. Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; - Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; - Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của hợp đồng; - Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 3 ngày , kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 3 ngày , trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 5 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 3 ngày , kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: không áp dụng .
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không có .
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, Nhà thầu thi công phải mua bảo hiểm xây dựng cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: công trình được thi công tại các Phường Thủ Dầu Một – Thuận Giao – Phú Lợi – Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà thầu được coi là đã thăm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin liên quan đến công trường và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu.

E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp và giải quyết tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. - Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra trọng tài kinh tế hoặc tòa án kinh tế TP.HCM để xử lý. Quyết định có hiệu lực của tòa án trên sẽ là cơ sở pháp lý cho hai bên thực hiện, bên thua kiện phải chịu toàn bộ án phí và bồi thường mọi chi phí thiệt hại liên quan cho bên kia.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: - Ngày hoàn thành dự kiến:
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: liên tục và báo cáo chủ đầu tư thứ năm hàng tuần. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 39.000.000 đồng.
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Việc ký phụ lục điều chỉnh hợp đồng có thể được thực hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng theo các quy định cụ thể nêu tại Điều kiện chung của hợp đồng. b) Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng phải được lập biên bản, có lý do hợp lý và thông qua Chủ đầu tư. c) Chấm dứt Hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; + Nhà thầu bị phá sản, giải thể; + Các hành vi khác (nếu có).

	<p>- Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm a Điều này, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Nhà thầu đã không thực hiện. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.</p> <p>- Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Điều này, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>- Trong trường hợp Nhà thầu muốn chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì thì phải thông báo cho Chủ đầu tư biết trước ít nhất 30 ngày bằng văn bản.</p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu căn cứ bảng tiên lượng vật tư thiết bị chính của công trình đính kèm theo E-HSMT này cung cấp đầy đủ các biên bản thử nghiệm điển hình, đối với chủng loại vật tư, máy móc, thiết bị do nhà thầu cung cấp cho công trình phải đáp ứng yêu cầu thử nghiệm, nghiệm thu theo qui định của hồ sơ mời thầu tại Mục VI. Yêu cầu thử nghiệm VTTB thuộc CHƯƠNG V – PHẦN 02.</p> <p>Trường hợp nghi ngờ về chất lượng, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu lấy mẫu (không quá 1% tổng số lượng theo từng mặt hàng cung cấp cho gói thầu) thử nghiệm lại (tại đơn vị thử nghiệm độc lập, hợp pháp) các hạng mục theo yêu cầu EHSMT, chi phí thử nghiệm do nhà thầu chịu.</p>
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	<p>* Tạm ứng:</p> <p>- Khi hợp đồng xây dựng có hiệu lực, Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền tương đương theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết (chưa bao gồm thuế GTGT và bao gồm cả chi phí dự phòng) sau khi Bên B xuất trình đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị tạm ứng của Bên B (04 bản). + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (01 bản chính + 03 bản sao). + Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm

	<p>ứng của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng, giá trị chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. Có giá trị tương ứng với giá trị tạm ứng và có hiệu lực cho đến khi nhà thầu hoàn trả hết tạm ứng (01 bản chính + 03 bản sao).</p> <p>* Thời gian tạm ứng: theo thoả thuận.</p> <p>- Bảo lãnh tạm ứng: Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng.</p> <p>- <u>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng</u>: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>- <u>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng</u>: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>- Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>- Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
E-ĐKC 44.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%. Thời hạn và phương thức thanh toán: <p>Thời hạn thanh toán được chia làm 04 đợt:</p>

	<p>- Thanh toán giai đoạn 1 (đợt 1): Sau khi nhà thầu thi công đạt tối thiểu 50% giá trị hợp đồng, chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 80% giá trị thanh toán giai đoạn sau khi thu hồi 50% vốn tạm ứng.</p> <p>- Thanh toán giai đoạn 2 (đợt 2): Sau khi nhà thầu thi công đạt tối thiểu 70% giá trị hợp đồng, chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 80% giá trị thanh toán giai đoạn sau khi thu hồi 50% vốn tạm ứng còn lại.</p> <p>Trường hợp chấm dứt hợp đồng nhưng tiền tạm ứng chưa được khấu trừ hết thì nhà thầu phải hoàn trả cho Chủ đầu tư phần tiền tạm ứng còn lại cộng với tiền lãi (của phần tiền tạm ứng còn lại) được tính bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do ngân hàng Thương mại nơi Chủ đầu tư mở tài khoản công bố tại thời điểm thanh lý hợp đồng.</p> <p>- Thanh toán sau quyết toán A-B hoàn thành công trình (đợt 3): chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu đến 95% giá trị hoàn thành trong giai đoạn cuối (bao gồm phần đã tạm ứng và thanh toán giai đoạn) cho nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và bảo đảm bảo hành công trình, đồng thời nhà thầu đã xử lý hoàn tất các tồn tại của công trình (nếu có).</p> <p>- Thanh toán sau thẩm tra (thanh toán tiền bị giữ lại): Sau khi hoàn tất thẩm tra quyết toán và Nhà thầu thực hiện đúng các cam kết xử lý các tồn tại (nếu có), Chủ đầu tư thanh toán 5% giá trị quyết toán A-B giữ lại.</p> <p>- Giá trị thanh toán được tính theo giá trị hợp đồng cộng hoặc trừ giá trị phụ lục hợp đồng (cộng trong trường hợp phát sinh tăng, trừ trong trường hợp phát sinh giảm).</p> <p>3. Hồ sơ thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu hoàn thành từng đợt hoặc nghiệm thu toàn bộ công trình (8 bản). - Hóa đơn (1 bản chính + 3 bản sao y). - Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài phạm vi Hợp đồng (nếu có). - Bảng quyết toán (gọi là quyết toán A-B) (6 bản). - Phụ lục Mẫu số 03.a/TT (Theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021) (3 bản). <p>4. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.</p>
E-DKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: được phép áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-DKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5% giá trị xây lắp hoàn thành là tiền bảo hành sẽ được thanh toán ngay khi Nhà thầu xác nhận đã hoàn</p>

	thành công việc bảo hành hoặc nhà thầu có bảo lãnh bảo hành không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (trong vòng 15 ngày sau ngày được tổng nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng).
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt:</p> <p>1. Đối với bên nhận thầu</p> <p>a) Nguyên tắc: Nội dung vi phạm đối với hợp đồng thi công xây dựng được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vi phạm tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký (trường hợp chậm tiến độ); chậm tiến độ lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán. - Vi phạm về chất lượng công trình: <ul style="list-style-type: none"> + Để xảy ra lỗi không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công nhà thầu không tự kiểm soát mà do chủ đầu tư (hoặc tư vấn chủ đầu tư) phát hiện do hậu kiểm phải làm lại. + Có hiện tượng làm hồ sơ không đúng sự thật bị phát hiện phải làm lại. + Không đảm bảo chất lượng thi công gây sự cố sau khi đưa vào sử dụng. + Nhà thầu không thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt, tự ý thay đổi thiết kế hoặc không tuân thủ phương án thi công đã được phê duyệt. Không bảo quản tốt vật tư Chủ đầu tư cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư không thể sử dụng. + Các nội dung sai sót khác gồm: không ghi chép nội dung diễn biến trong sổ nhật ký thi công, không có mặt chỉ huy trưởng, các bộ kỹ thuật thi công trên công trường khi chủ đầu tư kiểm tra. + Không cung cấp các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. + Không đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng. + Bị người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ vốn phản ánh, nhắc nhở về tình trạng thi công không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường hoặc không khắc phục triệt để, đúng yêu cầu các phản ánh, khiếu nại của người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ.

+ Các vi phạm khác như:

- Vật tư thiết bị đưa vào lắp đặt cho công trình không đảm bảo chất lượng, không cử đúng thành phần cán bộ chủ chốt tham gia thi công công trình, không trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thi công không đảm bảo an toàn, chậm trễ lập hồ sơ chuẩn bị thi công, hồ sơ thi công, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hoàn công, quyết toán giữa các đơn vị liên quan,...
- Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công, thiết bị đo đạc, thí nghiệm,... chưa được kiểm định và thiết bị hết hạn sử dụng trước khi đưa vào sử dụng cho công trình.
- Nhà thầu trả điện trễ hoặc tăng số lần cắt điện do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu.
- Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm trễ gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm nộp bảo lãnh bảo hành theo quy định.

b) Mức phạt:

- Giá trị phạt do sai sót về chất lượng thi công = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các Đơn vị tự quyết định).
- Giá trị phạt do sai sót về an toàn lao động, vệ sinh môi trường = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2 %, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4 %, tối đa 12 %).
- Giá trị phạt do chậm tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (cứ mỗi tuần chậm sẽ phạt 0,5 %, mức phạt tối đa đến 12 % sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng).
- Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.

2. Đối với bên giao thầu

a) Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải chịu phạt (đồng thời là mức bồi thường) cho bên nhận thầu. Mức phạt tính trên số tiền phải thanh toán gồm thuế GTGT nhân (x) số ngày chậm thanh toán và lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Ngày chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu.

b) Thời hạn thanh toán tối đa: thời hạn thanh toán không được kéo dài quá 14 ngày làm việc kể từ ngày bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Ngoài mức phạt ở E-ĐKC 49.1, Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi Nhà thầu gây nên theo các nội dung tại E-ĐKC 49.1 (các bên lập Biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng.</p> <p>Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.</p> <p>Trong đó:</p> <p>Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do Nhà thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, thiệt hại về tài sản, vật chất,... do Nhà thầu thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố, thi công xong phải đập bỏ,... (trường hợp nhà thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi phí này).</p> <p>Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.</p>
E-ĐKC 49.3	Thuởng hợp đồng: không áp dụng.
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình:
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công:
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại (05% giá trị hợp đồng để chờ quyết toán): 193.000.000 đồng.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.